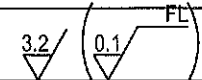


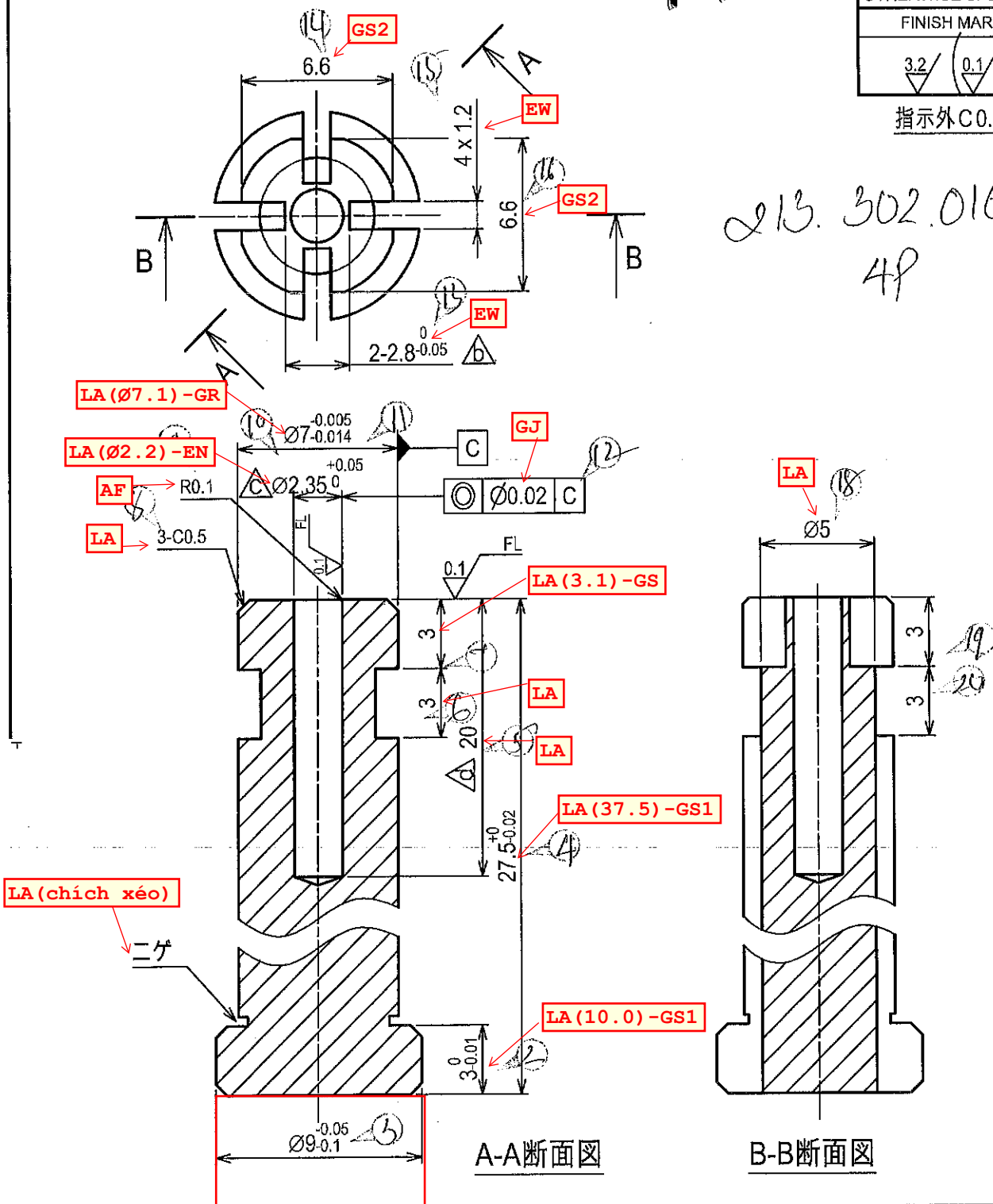
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE
init.	2011/01/12		SSB-VN-10001	Nguyen Khanh Khoa	T.Kitamoto	0.5 ≤, ≤ 6 ±0.1
B	Nguyen Mau Van	1.9寸法削除, 2.8寸法追加	T-VNM-13-04-161	Nguyen Thi Tinh Chi	Pham Thanh Tung	6 <, ≤ 30 ±0.2
C	Nguyen Mau Van	Φ2.3⇒Φ2.35 寸法変更	T-VNM-1706-267	Nguyen Mau Van	Pham Thanh Tung	30 <, ≤ 120 ±0.3
d	Nguyen Mau Van	(12⇒20) 寸法変更	T-VNM-05-04-164	Nguyen Mau Van	Pham Thanh Tung	120 <, ≤ 315 ±0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS



指示外 C0.1

213. 302.016 B
4P

A-A断面図

B-B断面図

DWN.	CHKD.	TITLE	PARTS NAME
guyen_Khanh_Khoa	T.Kitamoto	部品図	受けピン
UENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING	RECEIVE PIN
IRC 58° ~ 62°	①	部品図	接收銷
MATERIAL	DATE	SCALE	接收銷
SKD11	2012/01/14	4:1	DWG.No.
			S832180

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414 302 0180

SNO: **S832180**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKD11 Ø10*40	LA:30 HT:40 GR:30 GS1:20 EW:60 EN:40 GS2:20 AF:10 KT